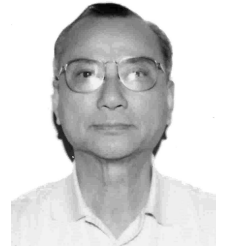


CẦU TRƯỜNG TIỀN



TRẦN-SĨ-HUÂN

Trong Lá Thư Ái Hữu Công-Chánh số 81, trang 10, bà Phạm-Bạch-Vân, ở San Jose, California, Hoa-Kỳ. có đưa ra câu hỏi : “Cầu Trảng-Tiền sáu vại mười hai nhịp, hay là sáu nhịp mười hai vại ?” và đã được Ban Phụ-Trách trả lời sơ qua rồi. Tuy nhiên vì Ban Phụ-Trách có yêu cầu ái-hữu nào đã từng sống và làm việc nhiều năm ở Huế thì xin bổ túc thêm, cho nên tôi viết bài này để góp một vài tài liệu mà tôi đã có dịp sưu tầm bấy lâu nay.

Trước hết, xin đính chính tên cầu là Trường-Tiền chứ không phải Trảng-Tiền, còn “vài” cầu là khoảng cách giữa hai trụ cầu (bridge span) chứ không phải “vài” cầu là một hai cây cầu (some bridges).

Về phương diện kỹ-thuật, cầu Trường-Tiền dài 401m10, rộng 6m20, gồm có 2 móng cầu và 5 trụ cầu bằng bê tông, 12 dầm cầu sắt hình cong (truss), sơn màu nhũ bạc và 6 sàn cầu (slab) bằng bê tông cốt sắt. Như vậy mỗi vại cầu (span) có một sàn và 2 dầm. Cầu Trường-Tiền, ngoài tính chất thực dụng như các cầu khác, còn có dáng dấp mềm mại, uyển chuyển, thanh tú, hài hoà với dòng sông Hương êm đềm, thơ mộng và rất thích hợp với tâm hồn của người dân xứ Huế, do đó qua thời gian hơn một trăm năm, cầu Trường-Tiền vẫn làm cho người dân Huế liên tưởng đến bóng dáng yêu-kieu với những tà áo dài tha thướt của các nữ sinh miền núi Ngự sông Hương. Họ đã nhìn cầu Trường-Tiền theo cảm nhận, chứ không phải nhìn dưới khía cạnh kỹ thuật và đã thi vị hoá mỗi cây dầm sắt hình cong như một “nhịp” và xem “sàn cầu” như “vài cầu” cho nên mới có những câu hò bình dân, tuy không đúng thực tế nhưng vẫn đi sâu vào lòng dân tộc, như:

*“ Cầu Trường-Tiền sáu vại mười hai nhịp
Em đi không kịp, tội lắm anh ơi !
Thà rằng không biết thì thôi
Chớ biết rồi (mà) mỗi đũa mỗi nơi cũng
buồn...”*

hoặc là :

*“ Cầu Trường-Tiền sáu vại mười hai nhịp
Em đi không kịp tội lắm anh nờ...
Nghĩa tào-khang, ai đã sớm dừt
Đêm nằm tâm tức, lụy ứa đây gan...”*

*“ Cầu Trường-Tiền sáu vại mười hai nhịp
Em đi không kịp tội lắm anh ơi !
Bấy lâu ni chịu tiếng mang lời
Dấu có xa nhau đi nữa, cũng bởi tại ông Trời
mà ra...”*

Ba câu hò này bày tỏ nỗi lòng của một thôn nữ kêu gọi người yêu đừng đi qua cầu theo giặc Pháp vì đây là cây cầu đầu tiên Pháp bắt qua sông Hương nối hai bờ Tả Hữu ngạn. Có lẽ nguồn tình cảm miên man rất lãng-mạn kiểu Huế nằm trong tiếng “cũng”. Cái “cũng buồn” rất e-dè nhưng cũng rất nũng-nịu của cô gái Huế có nghĩa là níu kéo, là sẽ tương tư, là hào phóng một cách “tình cho đi, ai lấy lại bao giờ “. Với hai câu đầu, người nghe có cảm giác cầu Trường-Tiền dài mù-mịt và sông Hương cuộn-cuộn sóng dữ, nhưng thực tế cầu đã ngắn mà dòng sông lại hiền hòa thì tại làm sao “đi không kịp” ? Chẳng qua đây là một câu nói “lầy” vì khi người tình đã đi qua cầu Trường-Tiền rồi thì kể như đã sang một vùng Trời “Tây Đầm” khác.

Ngược lại, có khi chàng cũng trách nàng :

*“Đứng trên cầu Trường-Tiền, ngó xuống dưới
cầu, nước xanh như tàu lá,
Ngó về Đập-Đá, phố xá nọ nghinh ngang.
Kể từ ngày Tây lại xứ ta,
Em ham đồng xu, bạc giắc, bỏ nghĩa chàng bơ
vơ...”*

v.v...

Đối với những người có tâm hồn nghệ sĩ thì coi như họ đã mang cả cây cầu này vào lòng họ, một chiếc cầu trong tâm ảnh. Nếu ai đã từng đứng xa xa trên dòng sông Hương nhìn cầu Trường-Tiền “soi bóng nước” với một cây cầu hiện thực bên trên và một cây cầu ảo ảnh bên dưới như quyện vào nhau thành



Cầu Trường Tiền (Huế, 1995)

một hình ảnh đẹp tuyệt vời thì sẽ cảm nhận được ý nghĩa của câu hò sau đây :

*“Ngó xuống nước, sáu vầy mười hai nhịp
Ngoảnh trên khô, sáu nhịp mười hai vầy
Sông không sâu mà nước cứ chảy hoài.
Bỏ thì thương (mà) sượng thì nặng...
(chớ) cứ nhớ hoài mảng rặng ? !”*

Theo Tiến Sĩ Trần-Kiểm-Đoàn ở Sacramento “Trường-Tiền là chiếc cầu định mệnh của Huế. Tình yêu chưa bước song đôi qua cầu là tình yêu chưa chín (chưa trọn vẹn). Hận thù chưa giải quyết được trên cầu thì hận thù chưa nguôi. Uy vũ chưa tuyệt lộ trên cầu thì chưa phân thắng bại. Đến Huế mà chưa đứng trên cầu Trường-Tiền là chưa vô tới Huế, chỉ mới tạt qua Huế mà thôi. .. Phải chăng vì thế mà từ ngày có mặt, tuy nằm yên một cõi, cầu Trường-Tiền đã mang những vết hằn lịch sử sâu nặng nhất của một xứ Huế thăng trầm theo thế sự. Phong cảnh trên cầu, ngày qua tháng lại, đã trở thành “tâm ảnh” trong lòng người lớn lên cùng với chiếc cầu, và khi một bóng dáng đã trở thành tâm ảnh thì sự hiện sinh của nó sẽ trở thành ảo ảnh...Cũng thế, những người xa Huế đã mang chiếc cầu trong tâm ảnh mà ra đi.”

Gần đây tôi đã trở về Huế mấy lần, đi trên chiếc cầu xưa ấy mà vẫn quay quắt đi tìm...Tìm chiếc cầu trong tâm ảnh như ngày xưa...vì cầu mới, tuy được “phục chế” nhưng không làm theo dáng dấp cũ mà đã bị thay đổi khá nhiều : những chỗ nhô ra (balcon) để khách nhàn du có thể dừng lại phút chốc

thường ngoạn cảnh trời trắng mây nước, đã bị cắt bỏ; thêm vào đó là tám ống sắt tròn gắn dọc theo hai đà cầu sắt làm cho cây cầu mất hết nét thanh tao !

Về mặt lịch-sử, theo tài liệu của Giáo Sư Phan Thuận An ở Huế thì mục “Kiều Lương” của Thừa-Thiên Phủ trong bộ sách “Đại Nam Nhất Thống Chí”, bằng chữ Hán, có ghi chép về chiếc cầu nổi tiếng này .Đây là một tài liệu gốc, lâu đời nhất, được phiên âm và dịch nghĩa như sau ;

*“Trường-Tiền thiết kiều
Tại kinh thành chi đông nam.*

*Kỳ bắc ngoạn thuộc Hương Trà huyện, Phú Xuân
tổng, Đệ nhất phường.*

*Kỳ nam ngoạn thuộc Đệ bát phường.
Thành Thái cứu niên khởi biện.*

*Kiều lục gian. Mỗi gian lục thập lục xích bát
thốn ngũ phân,hoành lục xích nhị thốn. Thông
trường tứ bách nhất xích nhất thốn.Thập nhất
niên công đoạ. Thập lục niên bát nguyệt
nhật, cụ phong phiêu trụ tứ gian, tồn nhị gian.
Thành-Thái thập bát niên trùng tu.”*

Tạm dịch :

“Cầu sắt Trường-Tiền.

*Cầu tọa lạc tại phía đông nam của kinh thành.
Bờ bắc thuộc đất phường đệ nhất, tổng Phú
Xuân, huyện Hương Trà.*

Bờ nam thuộc phường đệ bát.

*Cầu được bắt đầu xây dựng vào năm Thành-
Thái thứ 9 (1897).*

*Cầu có 6 vầy. Mỗi vầy dài 66m85, rộng 6m20.
Toàn bộ chiếc cầu dài 401m10. Đến năm
Thành-Thái thứ 11 (1899) thì cầu xây xong.
Nhưng vào một ngày thuộc tháng 8 năm Thành-
Thái thứ 16 (tức là tháng 9 năm 1904), gió bão
thời sập bốn vầy, còn lại hai vầy. Qua năm
Thành-Thái thứ 18 (1906), cầu được trùng tu.”*

Như vậy cầu Trường-Tiền được xây từ năm 1897 đến năm 1899 mới xong, lúc đầu sàn cầu chỉ lót ván gỗ Lim với hai đà cầu bằng sắt hình cong, lè đường và lan-can ở bên trong hai đà cầu (hình 1). Sau vụ bão ngày 2 tháng 8 năm Giáp-Thìn (tức là ngày 11-

9-1904 dl.) cầu bị sập 4 vầy và được trùng-tu vào năm 1906 với sàn cầu bằng bêton cốt sắt.

Năm 1937, cầu lại được sửa chữa, đưa hai lè cầu và hai dẫy lan-can ra ngoài đà cầu, với 2 balcon ở mỗi trụ cầu để bộ hành có thể dừng chân ngắm cảnh (hình 2)..Năm 1946, đêm 19 tháng 12, trong cuộc tổng nổi dậy của dân ta chống Pháp, cầu đã bị giựt mìn sập 2 vầy phía tả ngạn, cho đến năm 1953 mới tái-thiết như cũ. Đến năm Mậu-Thân (1968), cầu lại bị đặt mìn giựt sập một lần nữa và sau đó thì được bắt tạm một vầy cầu gỗ để tái lập lưu thông, mãi cho đến năm 1995 mới “phục chế” với một vầy sửa đổi (hình 3).

Trong hơn một thế-kỷ vừa qua, cầu này có đến bốn tên gọi khác nhau. Lúc đầu là cầu Thành-Thái (1899), kế đến là cầu Clemenceau (1918), tiếp theo là cầu Nguyễn Hoàng (1945), nhưng ba danh xưng trên đều ít được dùng, trái lại dân chúng xưa nay vẫn gọi là cầu Trường-Tiền, vì ngày xưa ở đầu cầu phía Tả ngạn có một xường đúc tiền của chính phủ ta. Dọc bờ sông Hương, còn có các bến đò mang tên Trường sủng, Trường đồng, Trường đá, v.v...

Theo cô Giáo sư Phan-Văn-Dật, khi cầu hoàn thành, Hoà Thượng Phúc-Hậu chùa Thiên-Mụ đã nhiệt-liệt tán thưởng công-tác này như sau :

*Nam mô Di Phật phước hà sa,
Cầu sắt ơn người tạo lập ra
Độ trận chúng sinh khi trái bước
Lỡ đường thiên hạ lúc băng qua .
Tài cao sánh với non Kim-Phụng
Đức trọng so tày bể Tuý-Ba.
Lông lộng giữa không trông cõi phúc
Ngàn năm để tiếng nước Nam ta.*

Dưới triều vua Duy-Tân, muốn nhắc nhở luật đi đường cho khách qua cầu, sở Lục-Lộ (Công-Chánh) có treo ở hai đầu cầu tấm bảng đề hai câu chữ Hán như sau:

*“Xa mã quá kiêu do hữu chí
Yếu nghi hoãn hoãn vật nghi trì”*

nghĩa là :

*“Xe cộ qua cầu đi phía phải
Nên đi chậm chậm chớ đi mau”.*

Một tấm bảng khác viết bằng tiếng Pháp cũng được treo ở hai đầu cầu :

“Prenez votre droite. Marchez au pas” (Đi bên phải. Bước chậm chậm).

Tốc-độ tối đa pháp định qua cầu là 12km/giờ.

Ngoài ra có một số bài thơ, câu hò nhắc đến cầu Trường-Tiền như sau:

Năm 1990, Bà Từ-Dũ Hoàng Thái-Hậu đích thân qua Tòa Khâm sứ Pháp yêu cầu chính quyền Bảo Hộ giảm thuế cho người dân, người Pháp đã trả lời rằng :

*“Ngày xưa Vua Việt cầm quyền “Cớ sao
không bắc Trường-Tiền mà qua?
“Trách Tây hay đánh thuế ra,
“Cầu Trường-Tiền bắc, Tây không qua một
mình !”*

Năm 1946, Việt Minh đánh Pháp, giựt sập cầu Trường Tiền, Cụ Ứng Bình ở Vĩ Dạ có làm 2 câu hò than tiếc sau đây :

Hỏi: *“ Cầu Trường-Tiền bấy nhiêu năm qua lại,
Kể từ đời Thành-Thái đến nay
Chạnh lòng biết nói ai đây
Việc chi nên nổi dang tay giựt cầu ?*

Đáp: *“ Lắm chuyện ly-kỳ, hỏi làm chi cho rồi dạ,
Nhịp cầu nghiêng ngã, chưa lạ anh ơi !
Điện Càn-Chánh họ cũng đốt họ chơi
Khởi bay nghi ngút tận Trời anh thấy không?”*

Tóm lại, đây là cái lô-gic và cái phi-lô-gic trong văn chương đầy tính sáng tạo và trong ngôn ngữ dân gian truyền khẩu. Cách diễn tả nào cũng đúng tùy theo vị trí thời gian và không gian, khi thì hiện thực, khi thì nhìn qua tâm ảnh chủ quan của mỗi người ./.

Oxnard, CA. 30-9-2003

Sách báo tham khảo :

- Tiếng Hát Sông Hương,
do Tác giả Tôn Nữ Hy-Khương xuất bản (Saigon 1972)
- Hương Sen Huế (Saigon, 2000)
- HUẾ, Xuân Nhâm-Ngọ (Saigon, 2002)
- Dòng Việt số 14 (Cali 2003)

VỀ CẦU DOUMER

Nguyễn Sỹ Tín sưu tầm



Lời giới thiệu.

Dân San Francisco tự hào với cây cầu Golden Gate treo trên Vịnh, người đất Thần Kinh Huế nhớ tới nhịp cầu Trường Tiền thanh lịch soi bóng trên sông Hương trong vắt. Miền Nam có cầu Mỹ Thuận tân kỳ. Còn người Hà Nội đặc biệt nhớ tới cây cầu sắt dài Doumer (Long Biên bây giờ) nối liền Gia Lâm - Hà Nội, ẩn hiện trong lớp sương mù ban mai. Cầu Doumer khởi công năm Mậu Tuất (1897) và khánh thành năm Quý Mão (1902). Dân Hà Thành có làm bài về mô tả cầu Doumer và nhắc tới sự trả công gian lận của thực dân. Mời quý ái hữu thưởng thức bài về dưới đây :

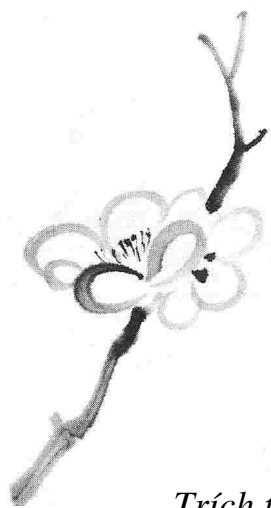
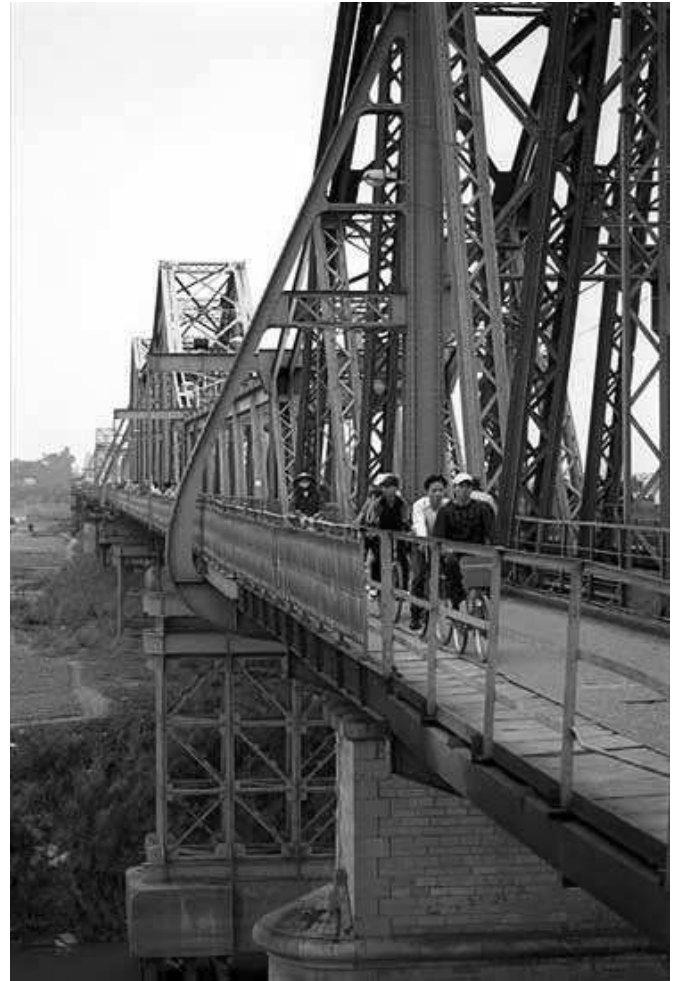
Cầu sắt mà bắc ngang sông
 Chàng ơi sang tỉnh mà trông chẳng làm
 Hà Nội bắc sang Gia Lâm
 Tính ki - lô - mét độ năm cây tròn
 Họa hình Tây Bắc ống nhôm
 Ngắm đi ngắm lại xem còn cong không?
 Giờ về hội nghị cộng đồng
 Đến năm Mậu Tuất khởi công bắc cầu
 Mộ phu khắp cả đâu đâu
 Xây từ Ái Mộ bắt đầu xây ra
 Bắc qua con sông Nhị Hà
 Chia khoang làm nhịp, mười ba cột vừa
 Lập mưu xây được bây giờ

Ché ra cái chụp để mà vương lên
 Bơm hết nước đến bùn đen
 Người chết như rạ vẫn phải len mình vào
 Vỡ bơm nước lại chảy vào
 Chết thì mặc chết ai nào biết không
 Mỗi giờ thuê có một đồng
 Xi măng với đá, dây dòn xuống xây

* * *

Đóng phà, đóng cột, cắm cây
 Từ trên buông xuống thành ngay chân cầu
 Bây giờ đục sắt bắc cầu
 Cột ngang, cột dọc, đường tàu song song

Bắc từ Dốc Gạch bắt sang
 Chính giữa đường sắt làm đường tàu đi
 Đồi bên nhịp sắt chữ chi
 Bên đi, bên lại chớ hề gặp nhau
 Còn hai bên cạnh rìa cầu
 Sắt chằng hoa thị đi cầu không kinh
 Hai vì đèn máy sáng tinh
 Ai đi đến đây có xinh chẳng là
 Kẻ đi người lại hằng hà
 Mưu kia nào kiệt tính đà cũng thông
 Bê khoát tàu chạy bên trong
 Khoát vừa ba thước đủ dùng không hơn
 Đường ô - tô chạy rập rờn
 Cũng khoát thước rưỡi đường tron phẳng lì
 Còn đường của An Nam đi
 Khoát hơn nửa thước vậ thì tính sao
 Bây giờ kể đến bề cao
 Cao hơn mười thước ai nào biết không
 Làm xong Tây tính tiền công
 Lập mưu, lập kế trả công chẳng rành
 Ché ra giấy bạc dâu xanh
 Trừ tiền giấy bút hết toanh dăm đồng
 Tiền công chẳng đáng tiền công
 Kẻ còn người mất mà lòng xót thay!
 Hội cầu năm ấy vui vầy
 Nhớ ngày hăm một tháng hai, công hoàn.



Đời Công Chánh

Trích thơ của Nguyễn Văn Cừ

Nhớ từ thuở hàn vi mới đỗ.
 Có tên vào "Lục Lộ Tê Pê"
 Mấy năm học tập đi về,
 Cái môn Công Chánh, cái nghề bánh bao.
 Trí những muốn, ước sao được dịp.
 Đem tài kia, xây đắp nước non.
 Đường đời nhẹ bước chân bon
 Khi vui lên Bắc, khi buồn xuống Nam.
 Trái công việc khi làm Cầu Công,
 Khi Đê Điều, khi bồng Thủy Nông,
 Lại khi đắp đập ngăn sông,
 Đa Nhim thủy điện có công hoàn thành.
 Lại những lúc gặp ghềnh Lộ Vận
 Nha mới thành, lặn dạn đòi phen,
 "Cảng" kia xe chạy khắp miền,
 "Bằng" kia lo cáp chở chuyên trong ngoài